

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST

Ngày 18 /9 /2017

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Kim

2. Ông Hoàng Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị Bích N, sinh năm 1992 (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Theo chị Chu Thị Bích N trình bày, chị N kết hôn với anh Nguyễn Công H tháng 12/2011, trước khi cưới có tìm hiểu thoả thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V. Sau ngày cưới vợ chồng đoàn tụ ngay, có thời gian hoà thuận nay có 01 con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H hay chơi bời, không tu chí làm ăn. Ngoài ra anh H còn có quan hệ tình cảm với người khác, từ đó vợ chồng hay xảy ra cãi chửi nhau. Khoảng tháng 3/2013 thì chị N về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi chị N về nhà đẻ hai bên gia đình và bạn bè đã khuyên bảo và hòa giải nhiều lần, bản

thân anh H cũng đến gọi chị N nhưng không có kết quả. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị được ly hôn anh H.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Kiều A, sinh ngày 07/11/2012 nay đang ở với chị N đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị N nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì. Sau khi ly hôn chị N không yêu cầu toà án giải quyết.

Anh Nguyễn Công H trình bày: Anh H kết hôn với chị Chu Thị Bích N tháng 12/2011, trước khi cưới có tìm hiểu thoả thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V. Sau ngày cưới vợ chồng đoàn tụ ngay nay có 01 con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H làm ăn thua lỗ nên từ đó vợ chồng xảy ra xích mích, cãi chửi nhau. Khoảng đầu năm 2013 thì chị N tự ý bỏ về nhà đẻ ở. Sau khi chị N về nhà bố mẹ đẻ anh có đến gọi và đón nhưng bố chị N không cho. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân hai bên gia đình và bạn bè khuyên bảo và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị N xin ly hôn anh H không nhất trí.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Kiều A, sinh ngày 07/11/2012 nay đang ở với chị N đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn anh H nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì. Sau khi ly hôn không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh H và nhận nuôi con chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 58, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Chu Thị Bích N.

Xử cho chị Chu Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Công H.

Giao cho chị Chu Thị Bích N được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Kiều A, sinh ngày 07/11/2012. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập phiên tòa hợp lệ 02 lần nh-ng anh H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 3 điều 228- BLTTDS .

Về nội dung: Chị Chu Thị Bích N kết hôn với anh Nguyễn Công H tháng 12/2011 trên cơ sở tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng có thời gian hoà thuận. Trong quá trình chung sống theo chị N trình bày sau ngày cưới vợ chồng hoà thuận được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H hay chơi bời, không tu chí làm ăn và còn có quan hệ tình cảm với người khác. Theo anh H trình bày vợ chồng hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H làm ăn bị thua lỗ về kinh tế từ đó vợ chồng hay xảy ra xích mích và cãi chửi nhau. Anh H và chị N đều thừa nhận vợ chồng đã chấm dứt quan hệ từ đầu năm 2013 cho đến nay, từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân hai bên gia đình và các bạn bè của vợ chồng đã khuyên bảo và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị N xin ly hôn, anh H không nhất trí. HĐXX xét thấy, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải động viên vợ chồng anh chị về đoàn tụ nhưng chị N không nhất trí và kiên quyết xin ly hôn anh H, phía anh H không nhất trí ly hôn nhưng cũng không đưa ra được phương pháp nào để hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Hơn nữa giữ hai vợ chồng đã chấm dứt quan hệ và sống ly thân nhau thời đã lâu, anh H muốn đoàn tụ nhưng chị N không có nguyện vọng đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho chị Chu Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Công H là phù hợp với quy định tại điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Con chung: Chị N và anh H đều trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Kiều A, sinh ngày 07/11/2012 nay đang ở với chị N. Sau khi ly hôn chị N và anh H đều nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu và nguyện vọng được nuôi con chung của chị N và anh H là có căn cứ. Tuy nhiên, con chung của vợ chồng đang ở với chị N, đời sống vẫn ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cho chị Chu Thị Bích N được nuôi con chung của vợ chồng là phù hợp pháp luật. Do chị N không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N.

Anh Nguyễn Công H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí.

Căn cứ các Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83- Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1/-Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Chu Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Công H.

2/-Về con chung: Giao cho chị Chu Thị Bích N được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Kiều A, sinh ngày 01/11/2012. Anh Nguyễn Công H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Chu Thị Bích N.

Anh Nguyễn Công Hải được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Hải thực hiện quyền này.

3/-Về án phí: Chị Chu Thị Bích N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 04483 ngày 07/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. (Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Việt Yên
- T.H.A huyện Việt Yên
- Các đ-ơng sự
- UBND xã V
- L- u

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đã Ký

Vũ Văn Hợp